

Bản án số: 83/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐL, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Bình.

2. Bà Lê Thị Kiều Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2021; về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Yến N, sinh năm 1995; Nơi đăng ký thường trú: Số nhà 17, đường số 7, tổ 6, thôn 6, xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận. nơi cư trú: Số nhà 363/4 hẻm 363, tổ 1, thôn 4, xã TH, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Hồng H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà 17, đường số 7, tổ 6, thôn 6, xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt tất cả các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Yến N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Yến N, anh Võ Hồng H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2014, tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn chị N, anh H chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H đi làm không đưa tiền về chăm lo cho gia đình, ngoài ra anh H còn nợ nần cá nhân, bản thân chị N và hai bên gia đình nội, ngoại đã nhiều lần ngồi lại khuyên bảo động viên để anh H thay đổi, nhưng vẫn không có kết quả. Mặc dù chị N đã cố gắng để chung sống với anh H nhưng anh H không thay đổi, khiến cuộc sống của vợ chồng luôn bị áp lực, gánh nặng tâm lý. Do nhận thấy đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị N đã bỏ về nhà mẹ ruột tại thôn 4, xã TH, huyện ĐL sinh sống từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay, cũng kể từ đó chị N, anh H sống ly thân. Trong quá trình sống ly thân chị N, anh H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì nhau. Hiện nay chị N không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị N, anh H có hai người con chung là Võ Ngọc Hồng T1, sinh ngày 02/10/2018 và Võ Thị Hồng T2, sinh ngày 12/02/2016. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi cả hai con chung cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo hồ sơ vụ án tại các bản khai, biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Võ Hồng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, về con chung anh H thống nhất như phần trình bày của chị N. Trước đây anh H có đi làm, trong quá trình đó anh có đánh bạc nên dẫn đến nợ nần bên ngoài, tuy nhiên anh H đã cố gắng đi làm trả nợ, nên các khoản nợ đã được giải quyết. Ngoài những vấn đề chị N trình bày thì anh H, chị N không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Vào khoảng tháng 6/2021 chị N bức xúc chuyện anh H nợ nần trước đây nên đã tự bỏ về nhà cha, mẹ ruột tại thôn 4, xã TH sinh sống cho đến nay. Quá trình đó anh H có đến khuyên bảo, động viên, tác động để chị N quay về chung sống nhưng vẫn không có kết quả. Hiện nay anh H vẫn còn tình cảm với chị N, theo anh H trước đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn tuy nhiên, chưa đến mức phải ly hôn, nên anh H không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn thì anh H đề nghị Tòa án giải quyết đơn phương cho chị N. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung Võ Ngọc Hồng T1, sinh ngày 02/10/2018 và Võ Thị Hồng T2, sinh ngày 12/02/2016 cho đến khi thành niên, anh H không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn với anh H và giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng trong vụ án:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Võ Hồng H có nơi cư trú tại thôn 6, xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Yến N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về quyền nuôi con với bị đơn anh Võ Hồng H nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị Yến N, anh Võ Hồng H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 05/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐL đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn chị N, anh H chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H chơi bời dẫn đến nợ nần khiến chị N phải nhiều lần xoay sở, tìm cách trả nợ, hai bên gia đình nội, ngoại đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh H vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống, hiện chị N, anh H đã sống ly thân. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa anh H thừa nhận trước đây anh có chơi bời dẫn đến nợ nần, tuy nhiên đã giải quyết xong và hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải đoàn tụ để các bên quay về chung sống với nhau. Tuy nhiên, chị N vẫn cương quyết ly hôn và anh H đề nghị Tòa án giải quyết đơn phương cho chị N nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử công khai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị N và anh H đã kéo dài. Mặc dù các bên đã tự động viên, an ủi nhau thay đổi để chung sống hạnh phúc nhưng vẫn không có kết quả. Tại phiên tòa anh H cho rằng vẫn còn tình cảm với chị N và không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh H cũng thừa nhận hiện nay vợ chồng đã ly thân với nhau và trong quá trình sống ly thân vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm gì nhau, bản thân anh có gặp gỡ khuyên bảo chị N quay về tiếp tục chung sống tuy nhiên chị N không đồng ý. Lý do anh H đưa ra để không đồng ý ly hôn với chị N là hiện nay vẫn còn tình cảm yêu thương chị N. Tuy nhiên, xét thấy hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ cả hai phía, bản thân chị N hiện nay đã không còn tình cảm gì với anh H nữa; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét xử cho chị N được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay cả chị N và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con Võ Ngọc Hồng T1, sinh ngày 02/10/2018 và Võ Thị Hồng T2, sinh ngày 12/02/2016. Xét thấy, quyền yêu cầu được nuôi con của các bên là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa xác định được hiện nay cả chị N và anh H đều là công nhân, thời gian chủ yếu là đi làm công ty, cũng chưa có nhà riêng và trước đây đều sống chung với cha mẹ chồng. Trong quá trình đó các con đều do ông bà nội trực tiếp chăm sóc, vào thời gian nghỉ thì chị N là người trực tiếp chăm sóc các con, còn anh H chỉ phụ giúp thêm. Anh H thừa nhận trong thời gian vợ chồng sống ly thân mặc dù các con ở với anh, nhưng do ông bà nội trực tiếp chăm sóc, bản thân anh trước đây có tham gia đánh bạc, dẫn đến nợ nần. Đồng thời các con con đều là nữ, bản thân cháu Võ Ngọc

Hồng T1 hiện nay dưới 36 tháng tuổi, còn cháu T2 chưa đủ 7 tuổi, các con đang trong độ tuổi phát triển thể chất và sinh lý, bên cạnh đó từ trước đến nay cả hai con cùng sống chung với nhau, nếu tách ra sẽ khiến cuộc sống khó hòa nhập. Trong khi chị N có công việc, thu nhập ổn định, có đạo đức tốt hơn, có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, để bảo vệ quyền lợi của con chưa thành niên về mọi mặt thì cần giao cả hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sẽ giúp các cháu phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cũng như về mặt tâm, sinh lý là phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng như quy định của pháp luật.

Anh Võ Hồng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

[2.3] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa chị N không có yêu cầu gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Cần buộc chị N phải chịu án phí ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2, 3 Điều 81; các Điều 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.**

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Yến N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Yến N được ly hôn với anh Võ Hồng H.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 05 tháng 5 năm 2014, vào sổ số 42 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐL hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:*

- Giao cho chị Huỳnh Thị Yến N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung Võ Thị Hồng T2, sinh ngày 12/02/2016 và Võ Ngọc Hồng T1, sinh ngày 02/10/2018.

Anh Võ Hồng H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho Huỳnh Thị Yến N. Anh Võ Hồng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị Huỳnh Thị Yến N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005413, ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐL. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/7/2021) để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện ĐL;
- UBND xã ĐT, huyện ĐL;
- C.C Thi hành án DS.h. ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đình Trường

